

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD2	7:25	17+4	0+0		17+5	0+0	chuyen 1 td3-td2
2		CLO+RC5+RP3	7:25	22+0+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
3		P8	7:25	22	0		22	0	
4		TTCl+TD5	9:25	5+13	0+0		5+15	0+0	chuyen 1 TTCl-TD5
5		TD2+VSP02+RC4	9:25	20+0+0	0+0+0		13+3+6	0+0+0	
6		TD1	9:25	22	0		20	0	
7		PBDA+TD2+P1	11:30	19+0+0	0+0+0		0+13+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 ng P8 về đi TD5, 1ng P6 về đi TD1



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: xanh-1	TO: TD3 - TD2	CREW: VIỆT - ĐNAM - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1497	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	OLEINIK IVAN	TD3	76	1	6			76	KHOAN	Russian
2	HOANG MINH TOAN	TD3	78	1	6	2	30	57	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG PHẠM NGỌC VŨ	TD3	80	1	7	3	45	95	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ ANH THOẠI	TD3	85	1	5			95	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	84	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	81	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ QUANG HIỆU	TD3	75	1	3			116	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	82-83	2	15			73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG ĐÌNH PHÚC	TD3	79	1	7			90	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VĂN TUẤN	TD3	68	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ NGUYỄN THÀNH MINH	TD3	66	1	8			77	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG NGỌC HOÀI	TD3	86-87	2	19			62	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ NHẬT QUI	TD3	88-90	3	19			67	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM ĐỨC CẢNH	TD3	77	1	3			61	PSV	Vietnamese
15	QUÁCH ĐẮC THẬN	TD3	67	1	4			52	PSV	Vietnamese
16	BUI VĂN TÌNH	TD3	72-74	3	19			76	LONG VŨ	Vietnamese
17	NGÔ ĐỨC TUẤN	TD3	69-71	3	17			73	LONG VŨ	Vietnamese
18	GONCHAROV SERGEY	TD2	66	1	8			99	KHOAN	Russian
19	LY ANH TUẤN	TD2	67	1	3			86	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN HẢI	TD2	68	1	5			86	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ NGỌC TIẾN	TD2	65	1	5			75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	17	1.279	25	155	5	75	17	1	CHUYEN 01 PAX TD3 SANG TD2
2	TD2	4	346	4	21	0	0	5		
TOTAL		21	1.625	29	176	5	75	22		
WEIGHT KG			1.625		176		75			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: CLO - RC5 - RP3	CREW: DUONG - MTHAO - TU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1500	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG VAN HUNG	CLO	19	1	2			67	KHOAN	Vietnamese
2	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	15	1	5			79	KHOAN	Russian
3	HOANG VAN THƯƠNG	CLO	17-18	2	14			75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN ANH	CLO	14	1	5			73	KHOAN	Vietnamese
5	VU THE NANG	CLO	06	1	6			60	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN LONG	CLO						71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	03	1	2			56	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DINH HAI	CLO	12	1	4			66	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM MANH HUNG	CLO	16	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
10	DO HUY BINH	CLO	02	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NHU DUNG	CLO	04	1	6			64	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN HA VAN	CLO	07	1	8			92	KHOAN	Vietnamese
13	BUI DUC LUAN	CLO	13	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
14	THACH HUU TAN	CLO	08-09	2	8			70	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN VAN KHANH	CLO	01	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
16	VU TRUNG KIEN	CLO	25	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN QUANG VU	CLO	26	1	16			70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TRUNG	CLO	23-24	2	17			74	KH-THAC	Vietnamese
19	VU THAI THANH	CLO	20-21	2	18			77	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VAN TUAN	CLO	10-11	2	10	5	73	68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THANG	CLO	05	1	6			103	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	21	1.534	25	162	5	73	16		
2	RC5	0	0	0	0	0	0	5		
3	RP3	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.534	25	162	5	73	22		
WEIGHT KG			1.534		162		73			

GRAND TOAL: 1,769 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

BUI HOANG DUONG
MAI VAN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD:	TO:RC5 - RP3	CREW: LINH - N.CU'ONG - NNAM	ETA: 14:00
VSP FLIGHT:		VNHS FLIGHT: TM26/1513	

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - RC5								
1	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	5	WT:	0	0
SECTOR 2 : VT - RP3								
2	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	1	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)	
1						
REMARK :					PAX.WEIGHT	0
					BAG.WEIGHT	0
					CARGO WEIGHT	0
					TOTAL	0

VSP REP. *[Signature]* VNHS REP. *[Signature]* CREW *[Signature]*

NGUYỄN THỨC HÀ NGUYỄN THỊ HẰNG NGÔ VĂN LINH
 PHAN NHƯ CƯƠNG

FINISHED:00:00
 FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)
 1. TOTAL OF PAX
 2. FREIGHT S BAG:

Bay b'ng vi 420 tree tree



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P8	CREW: LHM - TDONG - THONG - MUAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1504	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	DO VAN HUNG	P8	55	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH TINH	P8	53	1	9			72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY LINH	P8	67	1	13			95	KHOAN	Vietnamese
4	LE THANH NGOC	P8	66	1	12			49	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN PHAN	P8	78	1	5	3	45	69	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN DUC DUC	P8	61	1	9			57	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN VAN THANH	P8	56	1	4			71	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC ANH CHIEN	P8	74-75	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUONG	P8	52	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TAT THANH	P8	70	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VAN BINH	P8	57-58	2	12			78	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THAI DUONG	P8	62-63	2	12			63	KHOAN	Vietnamese
13	VU DUC THANH	P8	73	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TUAN	P8	71-72	2	16			78	KHOAN	Vietnamese
15	DO BA NAM	P8	68-69	2	11			83	KHOAN	Vietnamese
16	LE NGOC LUAN	P8	51	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUU LUAN	P8	59-60	2	16			69	KHOAN	Vietnamese
18	HA KHUONG DUY	P8	76-77	2	20			67	KHOAN	Vietnamese
19	NGO THUAN THANH	P8	64-65	2	19			74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN CONG CONG	P8	54	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN TRUONG	P8						67	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN MANH DUNG	P8	82	1	8			46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	22	1.534	29	225	3	45	22		
TOTAL		22	1.534	29	225	3	45	22		
WEIGHT KG			1.534		225		45			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

LUU THANH HAI
NGUYEN THUC DONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TTC1 - TD5	CREW: VIỆT - ĐNAM - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1498	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TẠ NGỌC THANH	TTC1	51-52	2	19	4	77	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HOANG AN	TTC1	48	1	11	2	25	75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÂM	TTC1	50	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH BÌNH	TTC1	47	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ CHI CÔNG	TTC1	49	1	9			51	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ TRỌNG HẠCH	TD5	76	1	10			74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY TÂM	TD5	75	1	3			62	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN BÌNH	TD5						68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	70	1	6	4	70	69	KHOAN	Vietnamese
10	VƯƠNG ĐỨC ANH	TD5	82	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VINH DUY	TD5	72	1	8			65	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC CƯỜNG	TD5	81	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO VĂN TUÂN	TD5	66-67	2	15			66	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN DUY	TD5	71	1	7	1	24	71	KHOAN	Vietnamese
15	HỒ MINH TRINH	TD5	73	1	11			74	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HÙNG	TD5	80	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUÝ	TD5	74	1	9			70	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN ĐẮC THĂNG	TD5	77	1	4			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC1	5	342	6	61	6	102	5		CHUYEN 1 PAX TTC1-TD5
2	TD5	13	903	13	94	5	94	15		
TOTAL		18	1.245	19	155	11	196	20		
WEIGHT KG			1.245		155		196			

GRAND TOTAL: 1.596 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGUYỄN ĐỨC NAM



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD2 - VSP02 - RC4	CREW: LINH - N.CƯƠNG - NNAM	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1501	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN HUNG HUNG	TD2	81-82	2	13			95	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN BAC	TD2						74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	79	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN QUANG HUY	TD2	83-84	2	14			75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TRONG NGHIA	TD2	75-76	2	11			66	KHOAN	Vietnamese
6	LE XUAN HAI	TD2	72	1	8	1	10	76	KHOAN	Vietnamese
7	MAI VAN HOANG	TD2	71	1	7			58	KHOAN	Vietnamese
8	VU DUY PHUONG	TD2	69-70	2	11			63	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN HUNG	TD2	77	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM TIEN VINH	TD2	80	1	17			85	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH DUY THANH	TD2	90	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG BACH	TD2	73-74	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
13	MARTYNOV M.IU	TD2	87	1	16			114	ANTOAN	Russian
14	SUSTAVOV V.S.	TD2	86	1	10			121	D-HANH	Russian
15	DUONG MINH VIET	TD2	85	1	7			63	DVL	Vietnamese
16	TRAN BA ĐỨC	TD2	78	1	12			94	DVL	Vietnamese
17	ĐO TRỌNG VINH PHÁT	TD2	88	1	11			80	DVL	Vietnamese
18	TRAN VAN TRI	TD2	91	1	7			76	PSV	Vietnamese
19	LE PHAT THINH	TD2	92	1	5			96	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VU BA LINH	TD2	89	1	4			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	20	1.583	24	179	1	10	13		
2	VSP02	0	0	0	0	1	16	3		
3	RC4	0	0	0	0	2	37	6		
TOTAL		20	1.583	24	179	4	63	22		
WEIGHT KG			1.583		179		63			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
B.CARD: VAN 62	TO: TD1	CREW: LHM - TDONG - THONG - MUAN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1505	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1	38-39	2	4			100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN NHU BANG	TD1	57	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH SON	TD1	55	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH XUAN HOA	TD1	58	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG VAN DUY	TD1	53	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
6	VU ĐỨC TOAN	TD1	54	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
7	HOA XUAN LUAN	TD1	48	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG MINH PHUC	TD1	44-45	2	10			76	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH CAO TRONG	TD1	50	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN NGOC LINH	TD1	56	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN QUANG SANG	TD1	59	1	7			53	KHOAN	Vietnamese
12	DUONG QUOC VIET	TD1	49	1	5	5	100	83	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN THUC	TD1	62-63	2	19			67	MERMAID	Vietnamese
14	LE TRUONG HAU	TD1	60-61	2	22			80	MERMAID	Vietnamese
15	MAI HAI LONG	TD1	40	1	5			70	D-HANH	Vietnamese
16	CAO QUANG HUNG	TD1	46-47	2	20			114	CODIEN	Vietnamese
17	HUA HUNG SON	TD1	51-52	2	21			75	CODIEN	Vietnamese
18	PHAN THANH TAI	TD1	43	1	8			52	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN MINH BANG	TD1	42	1	6			82	PSV	Vietnamese
20	TRAN DINH DINH	TD1	41	1	5			72	PSV	Vietnamese
21	DUONG VAN CUONG***	TD1	65	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	21	1.550	27	187	5	100	20		
TOTAL		21	1.550	27	187	5	100	20		
WEIGHT KG			1.550		187		100			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

LƯU THANH HẢI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO:PBDA - TD2 - P1	CREW: LHM - TDONG - THONG - MUAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1499	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN QUOC HUNG	PBDA	77	1	17	3	43	89	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM HUU HUAN	PBDA	78-79	2	13			62	KHOAN	Vietnamese
3	SICHINAVA GIORGI VALERIANOVICH	PBDA	21-22	2	16	1	3	79	KHOAN	Russian
4	BELAEV S.A	PBDA	76	1	15			79	KH-THAC	Russian
5	HO NGOC BEN	PBDA	80	1	15			71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUNG	PBDA	82	1	15			79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN LE DANG QUANG	PBDA	26	1	11			93	KH-THAC	Vietnamese
8	SHPILEVOI KIRILL	PBDA	24-25	2	18			87	AMHGP	Russian
9	KOSTENKO EVGENII	PBDA	84-85	2	18			89	AMHGP	Russian
10	AKSENOV EVGENII	PBDA	88-89	2	12			94	AMHGP	Russian
11	ABRAMKIN VITALII	PBDA	86	1	5			95	AMHGP	Russian
12	EGOROV MAKSIM	PBDA	83	1	8			72	AMHGP	Russian
13	SALMIN VITALII	PBDA	91-92	2	11			94	AMHGP	Russian
14	MIROSHNICHENKO IVAN	PBDA	90	1	9			93	AMHGP	Russian
15	POPOV MAKSIM	PBDA	87	1	7			115	AMHGP	Russian
16	ABAKUMOV VIACHESLAV	PBDA	23	1	16			83	AMHGP	Russian
17	KHANIPOV ILVIR	PBDA	93-94	2	13			86	AMHGP	Russian
18	FEDORCHENKO EVGENY	PBDA	85-86	2	14			77	AMHGP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PBDA	18	1.537	26	233	4	46	1		
2	TD2	0	0	0	0	2	30	14		
3	P1	0	0	0	0	1	3	7		
TOTAL		18	1.537	26	233	7	79	22		
WEIGHT KG			1.537		233		79			

GRAND TOAL: 1.849 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

LUU THANH HAI
NGUYEN THUC DONG